

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin
trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2020**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4289/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-BCĐ ngày 22/01/2021 của Trưởng ban Chỉ đạo về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Báo cáo số 165/BC-STTTT ngày 27/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2020 như sau:

1. Xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

Stt	Tên đơn vị	Tổng điểm	Xếp hạng
I	Mức Tốt (Tổng điểm đạt từ 85 điểm đến 100 điểm):		
1	Văn phòng UBND tỉnh	99.00	1
2	Sở Thông tin và Truyền thông	94.70	2
3	Sở Xây dựng	90.86	3
4	Sở Tài chính	90.73	4
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	89.56	5
6	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	89.48	6
7	Sở Tài Nguyên và Môi trường	88.81	7
8	Sở Giao thông vận tải	88.73	8
9	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	88.01	9
10	Sở Nội vụ	87.74	10

11	Sở Khoa học và Công nghệ	87.30	11
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	87.04	12
13	Sở Ngoại vụ	87.00	13
14	Sở Công Thương	86.95	14
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	86.59	15
16	Sở Y tế	85.82	16
17	Sở Tư pháp	85.73	17
18	Ban Dân tộc	85.43	18
III	Mức Khá (Tổng điểm đạt từ 70 điểm đến 85 điểm):		
19	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	84.45	19
20	Thanh tra tỉnh	80.19	20

2. Xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của các huyện, thị xã, thành phố:

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Xếp hạng
I	Mức Tốt (Tổng điểm đạt từ 85 điểm đến 100 điểm):		
1	UBND thành phố Thanh Hóa	89.68	1
2	UBND thị xã Bỉm Sơn	89.24	2
3	UBND huyện Như Xuân	87.55	3
4	UBND huyện Hoằng Hóa	87.17	4
5	UBND huyện Thiệu Hóa	86.68	5
6	UBND huyện Quan Hóa	86.62	6
7	UBND huyện Hà Trung	86.60	7
8	UBND huyện Như Thanh	85.99	8
9	UBND thị xã Nghi Sơn	85.77	9
10	UBND thành phố Sầm Sơn	85.68	10
11	UBND huyện Thọ Xuân	85.30	11
12	UBND huyện Triệu Sơn	85.26	12
13	UBND huyện Bá Thước	85.17	13
14	UBND huyện Hậu Lộc	85.10	14
15	UBND huyện Quảng Xương	85.03	15
16	UBND huyện Lang Chánh	85.03	16
II	Mức Khá (Tổng điểm đạt từ 70 điểm đến 85 điểm):		
17	UBND huyện Đông Sơn	84.87	17
18	UBND huyện Mường Lát	84.41	18
19	UBND huyện Nông Cống	84.34	19
20	UBND huyện Quan Sơn	84.23	20
21	UBND huyện Nga Sơn	84.23	21
22	UBND huyện Thạch Thành	84.06	22
23	UBND huyện Cẩm Thủy	83.94	23
24	UBND huyện Ngọc Lặc	83.76	24
25	UBND huyện Vĩnh Lộc	83.75	25
26	UBND huyện Yên Định	83.55	26
27	UBND huyện Thường Xuân	81.31	27

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để BC);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để BC);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ XDCQ ĐT tỉnh (để biết);
- Lưu: VT, THKH, CNTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

